

25. Một số cấu trúc cầu khiến (causative)

25.1 To have sb do sth = to get sb to do sth = Sai ai, khiến ai, bảo ai làm gì

I'll have Peter fix my car.

I'll get Peter to fix my car.

25.2 To have/to get sth done = làm một việc gì bằng cách thuê người khác

I have my hair cut. (Tôi đi cắt tóc - chứ không phải tôi tự cắt)

I have my car washed. (Tôi mang xe đi rửa ngoài dịch vụ - không phải tự rửa)

Theo khuynh hướng này động từ *to want* và *would like* cũng có thể dùng với mẫu câu như vậy:
To want/ would like Sth done. (Ít dùng)

I *want/ would like* my car washed.

Câu hỏi dùng cho loại mẫu câu này là: What do you want done to Sth?

What do you want done to your car?

25.3 To make sb do sth = to force sb to do sth = Bắt buộc ai phải làm gì

The bank robbers made the manager give them all the money.

The bank robbers forced the manager to give them all the money.

Đằng sau tân ngữ của *make* còn có thể dùng 1 tính từ: *To make sb/sth + adj*

Wearing flowers made her more beautiful.

Chemical treatment will make this wood more durable

25.4.1 To make sb + P2 = làm cho ai bị làm sao

Working all night on Friday made me tired on Saturday.

25.4.2 To cause sth + P2 = làm cho cái gì bị làm sao

The big thunder storm caused many waterfront houses damaged.

Nếu tân ngữ của *make* là một động từ nguyên thể thì phải đặt *it* giữa *make* và tính từ, đặt động từ ra phía đằng sau: *make it + adj + V as object*.

The wire service made it possible to collect and distribute news faster and cheaper.

Tuy nhiên nếu tân ngữ của *make* là 1 danh từ hay 1 ngữ danh từ thì không được đặt *it* giữa *make* và tính từ: *Make + adj + noun/ noun phrase*.

The wire service made possible much speedier collection and distribution of news.

25.5 To let sb do sth = to permit/allow sb to do sth = để cho ai, cho phép ai làm gì

I let me go.

At first, she didn't allow me to kiss her but...

25.6 To help sb to do sth/do sth = Giúp ai làm gì

Please help me to throw this table away.

She helps me open the door.

Nếu tân ngữ của *help* là một đại từ vô nhân xưng mang nghĩa người ta thì không cần phải nhắc đến tân ngữ đó và bỏ luôn cả *to* của động từ đằng sau.

This wonder drug will help (~~people to~~) recover more quickly.

Nếu tân ngữ của *help* và tân ngữ của động từ sau nó trùng hợp với nhau, người ta sẽ bỏ tân ngữ sau *help* và bỏ luôn cả *to* của động từ đằng sau.

The body fat of the bear will help (~~him to~~) keep him alive during hibernation.

25.7 Ba động từ đặc biệt: *see, watch, hear*

Đó là những động từ mà ngữ nghĩa của chúng sẽ thay đổi đôi chút khi động từ sau tân ngữ của chúng ở các dạng khác nhau.

+ *To see/to watch/ to hear sb/sth do sth* (hành động được chứng kiến từ đầu đến cuối)

I heard the telephone ring and then John answered it.

+ *To see/to watch/ to hear sb/sth doing sth* (hành động không được chứng kiến trọn vẹn mà chỉ ở một thời điểm)

I heard her singing at the time I came home.